



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

én

tôi

te

bạn

ő
férfi

anh ấy

ő
nő

cô ấy

ez/az

nó

mi
mi/ti/ők

chúng tôi / chúng ta

ti

các bạn

ők

họ

mi
kérdés

cái gì

ki

ai

hol

ở đâu

miért

tại sao

hogyan

làm sao

melyik

cái nào

mikor

lúc nào

akkor

sau đó

ha

nếu

igazán

thật sự

de

nhưng

mert

bởi vì

nem
ne

không

ez

này

az

đó

minden
általános

tất cả

vagy

hoặc

és

và

itt

đây

ott

đó

bal

trái

jobb

phải

most

bây giờ

délután

buổi chiều

délelőtt

buổi sáng

éjjel

ban đêm

reggel

buổi sáng

este

buổi tối

dél
idő

buổi trưa

éjfél

nửa đêm

óra
idő

giờ

perc

phút

másodperc

giây

nap
idő

ngày

hét

tuần

hónap

tháng

év

năm

tegnap

hôm qua

ma

hôm nay

holnap

ngày mai

hétfő

kedd

szerda

thứ hai

thứ ba

thứ tư

csütörtök

péntek

szombat

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

vasárnap

nő

férfi

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

szeretet

barát
szeretet

barátnő

tình yêu

bạn trai

bạn gái

barát
általános

bạn

csók

hôn

szex

tình dục

gyermek

trẻ em

lány
általános

con gái

fiú
általános

con trai

anyu

mẹ

apu

ba

anya

má

apa

cha

szülők

cha mẹ

fiú
rokon

con trai

lány
rokon

con gái

húg

em gái

öcs

em trai

nővér
rokon

chị gái

báty

anh trai

férj

chồng

feleség

vợ

minden
emberek

mỗi / mọi

mindig

luôn luôn

valójában

thực ra

ismét

lần nữa

már

đã

kevesebb

ít hơn

legtöbb

phần lớn

több

nhiều hơn

semmi

không có

nagyon

rất

kint

ở ngoài

bent

ở trong

messze

xa

közel

gần

alul

bên dưới

felett

bên trên

mellett

bên cạnh

elől

phía trước

hátsul

phía sau

mindenki

mọi người

együtt

cùng nhau

más

khác

tavas

mùa xuân

nyár

mùa hè

ősz

mùa thu

tél

mùa đông

január

tháng một

február

tháng hai

március

tháng ba

április

tháng tư

május

tháng năm

június

tháng sáu

július

tháng bảy

augusztus

tháng tám

szeptember

tháng chín

október

tháng mười

november

tháng mười một

december

tháng mười hai

észak

bắc

kelet

đông

dél
hely

nam

nyugat

tây

gyakran

thường xuyên

azonnal

ngay lập tức

hirtelen

đột ngột

habár

mặc dù

Số

nulla

0

egy

1

kettő

2

három

3

négy

4

öt

5

hat

6

hét

7

nyolc

8

kilenc

9

tíz

10

tizenegy

11

tizenkettő

12

tizenhárom

13

tizennégy

14

tizenöt

15

tizenhat

16

tizenhét

17

tizennyolc

18

tizenkilenc

19

húsz

20

huszonegy

21

huszonkettő

22

huszonhat

26

harminc

30

harmincegy

31

harminchárom

33

harminchét

37

negyven

40

negyvenegy

41

negyvennégy

44

negyvennyolc

48

ötven

50

ötvenegy

51

ötvenöt

55

ötvenkilenc

59

hatvan

60

hatvanegy

61

hatvankettő

62

hatvanhat

66

hetven

70

hetvenegy

71

hetvenhárom

73

hetvenhét

77

nyolcvan

80

nyolcvanegy

81

nyolcvannég

84

nyolcvannyolc

88

kilencven

90

kilencvenegy

91

kilencvenöt

95

kilencvenkilenc

99

száz

100

százegy

101

százöt

105

száztíz

110

százötvenegy

151

kétszáz

200

kétszázkettő

202

kétszázhat

206

kétszázhús

220

kétszázhatvankettő

262

háromszáz

300

háromszázhárom

303

háromszázhet

307

háromszázharminc

330

háromszázhetvenhárom

373

négyszáz

400

négyszáznégy

404

négyszáznyolc

408

négyszáznegyven

440

négyszáznyolcvannégy

484

ötszáz

500

ötszázöt

505

ötszázkilenc

509

ötszázötven

550

ötszázkilencvenöt

595

hatszáz

600

hatszázegy

601

hatszázhat

606

hatszáztizennyolc

616

hatszázhatvan

660

hétszáz

700

hétszázkettő

702

hétszázhet

707

hétszázhuszonhét

727

hétszázhetven

770

nyolcszáz

800

nyolcszázhárom

803

nyolcszáznyolc

808

nyolcszázharmincnyolc

838

nyolcszáznyolcvan

880

kilencszáz

900

kilencszáznégyszáz

904

kilencszázkilenc

909

kilencszáznegyvenkilenc

949

kilencszázkilencven

990

ezer

1000

ezeregy

1001

ezertizenkettő

1012

ezerkétszázharmincnégy

1234

kétezer

2000

kétezerkettő

2002

kétezerhuszonhárom

2023

kétezerháromszáznegyvenöt

2345

háromezer

3000

háromezerhárom

3003

négyezer

4000

négyezernegyvenöt

4045

ötezer

5000

ötezerhatszázhetvennyolc

5678

hatezer

6000

hétezer

7000

hétezernyolcszázkilencven

7890

nyolcezer

8000

nyolcezerkilencszázegy

8901

kilencezer

9000

kilencezerkilencven

9090

tízezer

10.000

tízezereg

10.001

húszezerhúsz

20.020

harmincezerháromszáz

30.300

negyvennégyezer

44.000

százezer

100.000

ötszázezer

500.000

egymillió

1.000.000

hatmillió

6.000.000

tízmillió

10.000.000

hetvenmillió

70.000.000

százmillió

100.000.000

nyolcszázmillió

800.000.000

egymilliárd

1.000.000.000

kilencmilliárd

9.000.000.000

tízmilliárd

10.000.000.000

húszmilliárd

20.000.000.000

százmilliárd

100.000.000.000

háromszázmilliárd

300.000.000.000

egybillió

1.000.000.000.000

Động từ

tudni

biết

gondolkodni

nghĩ

jönni

đến

rakni

đặt

vinni

lấy

találni

tìm

hallgatni

nghe

dolgozni

làm việc

beszélni

nói chuyện

adni

cho

kedvelni

thích

segíteni

giúp đỡ

szeretni

yêu

felhívni

gọi

várni

chờ đợi

állni

đứng

ülni

ngồi

zárni

đóng

nyitni

mở

veszíteni

thua

nyerni

thắng

meghalni

chết

élni

sống

bekapcsolni

bật

kikapcsolni

tắt

ölni

giết

megsérülni

làm bị thương

megérinteni

chạm

nézni

xem

inni

uống

enni

ăn

járni

đi bộ

találkozni

gặp

fogadni

đặt cược

csókolni

hôn

követni

đi theo

házasodni

cưới

válaszolni

trả lời

kérdezni

hỏi

húzni

kéo

tolni

đẩy

megnyomni

ấn

megütni

đánh

elkapni

bắt

harcolni

chiến đấu

dobni

ném

futni

chạy

olvasni

đọc

írni

viết

megjavítani

sửa chữa

számolni

đếm

vágni

cắt

eladni

bán

vásárolni

mua

fizetni

trả

tanulni

học

álmodni

mơ

aludni

ngủ

játszani

chơi

ünnepelni

ăn mừng

élvezni

thưởng thức

tisztítani

dọn dẹp

lőni

bắn

megvédeni

bảo vệ

támadni

tấn công

lopni

trộm

égni

đốt

megmenteni

cứu

repülni

bay

köpní

khắc nhỏ

rúgni

đá

harapni

cắn

lélegezni

thở

szagolni

ngửi

sírni

khóc

énekelni

hát

mosolyogni

cười mỉm

nevetni

cười

nőni

lớn lên

zsugorodni

co lại

vitatkozni

tranh luận

megosztani

chia sẻ

etetni

cho ăn

elbújni

trốn

figyelmeztetni

cảnh báo

úszni

bơi

ugrani

nhảy

emelni

nâng

ásni

đào

szállítani

giao hàng

keresni
valami

tìm kiếm

gyakorolni

luyện tập

utazni

đi du lịch

festeni

vẽ

kinyitni

mở

bezárni

khóa

mosni

rửa

imádkozni

cầu nguyện

főzni

nấu ăn

hányni

nôn

kiáltani

la hét

idézni

trích dẫn

nyomtatni

in

kiszámolni

tính toán

keresni
pénz

kiếm tiền

Tính từ

új

mới

régi

cũ

kevés

ít

sok

nhiều

helytelen

sai

helyes

chính xác

rossz

xấu

jó

tốt

boldog

hạnh phúc

rövid

ngắn

hosszú

dài

kicsi

nhỏ

nagy

lớn

szép

xinh đẹp

fiatal

trẻ

öreg

già

fehér

màu trắng

fekete

màu đen

piros

màu đỏ

kék

màu xanh da trời

zöld

màu xanh lá cây

sárga

màu vàng

lassú

chậm

gyors

nhanh

vicces

vui vẻ

igazságtalan

không công bằng

igazságos

công bằng

nehéz
vizsga

khó

könnyű
vizsga

dễ

gazdag

giàu

szegény

nghèo

erős

khỏe

gyenge

yếu

biztonságos

an toàn

fáradt

mệt mỏi

büszke

tự hào

jóllakott

no bụng

beteg
melléknév

bệnh

egészséges

khỏe mạnh

dűhös

tức giận

alacsony
általános

thấp

magas
általános

cao

édes

ngọt

savanyú

chua

puha

mềm

kemény

cứng

aranyos

đáng yêu

hülye

ngu ngốc

őrült

điên khùng

elfoglalt

bận rộn

magas
személy

cao

alacsony
személy

thấp

aggódó

lo lắng

meglepődött

ngạc nhiên

illelmes

cư xử tốt

gonosz

ác độc

okos

khéo léo

hideg

lạnh

forró

nóng

narancs
szín

màu cam

szürke

màu xám

barna
barna

màu nâu

rózsaszín

màu hồng

unalmas

nhàm chán

nehéz
súly

nặng

könnyű
súly

nhẹ

magányos

cô đơn

éhes

đói bụng

szomjas

khát nước

szomorú

buồn

meredek

dốc

lapos

bằng phẳng

szűk

hẹp

széles

rộng

mély

sâu

sekély

nông

hatalmas

lớn

piszkos

bẩn

tiszta

sạch sẽ

teli

đầy

üres

trống rỗng

drága

đắt

olcsó

rẻ

szexi

quyến rũ

lusta

lười biếng

bátor

dũng cảm

nagylelkű

hào phóng

nedves

ướt

száraz

khô

hangos

ồn ào

halk

yên tĩnh

napos

nắng

esős

nhiều mưa

ködös

sương mù

felhős

nhiều mây

Thể thao

torna

thể dục dụng cụ

tenisz

quần vợt

futás

chạy

kerékpározás

đạp xe

golf

đánh golf

labdarúgás

bóng đá

kosárlabda

bóng rổ

úszás

bơi lội

búvárkodás

lặn

túrázás

đi bộ đường dài

maraton

chạy marathon

triathlon

ba môn phối hợp

asztalitenisz

bóng bàn

súlyemelés

cử tạ

ökölvívás

quyền anh

tollaslabda

cầu lông

műkorcsolya

trượt băng nghệ thuật

snowboard

trượt ván tuyết

síelés

trượt tuyết

sífutás

trượt tuyết băng đồng

jégghoki

khúc côn cầu trên băng

röplabda

bóng chuyền

kézilabda

bóng ném

strandröplabda

bóng chuyền bãi biển

rögbi

bóng rugby

krikett

bóng gậy

baseball

bóng chày

amerikai football

bóng bầu dục Mỹ

vízilabda

bóng nước

műugrás

nhảy cầu

szörfözés

lướt sóng

vitórlázás

đua thuyền buồm

evezés

chèo thuyền

jóga

yoga

táncolás

khiêu vũ

ejtőernyőzés

nhảy dù

sakk

cờ vua

póker

đánh bài poker

bowling

bowling

balett

múa ba lê

Động vật

disznó

con lợn

tehén

con bò

ló

con ngựa

kutya

con chó

juh

con cừu

majom

con khỉ

macska

con mèo

medve

con gấu

csirke

con gà

kacsa

con vịt

pillangó

con bướm

méh

con ong

hal
állat

con cá

pók

con nhện

kígyó

con rắn

tigris

con hổ

egér
állat

con chuột

nyúl

con thỏ

oroszlán

con sư tử

szamár

con lừa

elefánt

con voi

galamb

con chim bồ câu

bogár

con bọ

szúnyog

con muỗi

légy

con ruồi

hangya

con kiến

bálna

con cá voi

cápa

con cá mập

delfin

con cá heo

csiga

con ốc sên

béka

con ếch

óriáspanda

con gấu trúc

jegesmedve

con gấu Bắc cực

farkas

con chó sói

koala

con gấu túi

kenguru

con chuột túi

zsiráf

con hươu cao cổ

róka

con cáo

víziló

con hà mã

denevér

con dơi

holló

con quạ

hattyú

con thiên nga

sirály

con chim hải âu

bagoly

con cú

pingvin

con chim cánh cụt

papagáj

con vẹt

hernyó

con sâu bướm

szitakötő

con chuồn chuồn

tintahal

con mực ống

polip

con bạch tuộc

csikóhal

con cá ngựa

fóka

con hải cẩu

medúza

con sứa

rák
állat

con cua

dinoszaurusz

con khủng long

teknős

con rùa cạn

krokodil

con cá sấu

Quốc gia

Európa

Châu Âu

Ázsia

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

Afrika

Châu Phi

Egyesült Királyság

Vương quốc Anh

Spanyolország

Tây Ban Nha

Svájc

Thụy sĩ

Olaszország

Ý

Franciaország

Pháp

Németország

Đức

Thaiföld

Thái Lan

Szingapúr

Singapore

Oroszország

Japán

Izrael

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Kína

Amerikai Egyesült Államok

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexikó

Kanada

Chile

Mexico

Canada

Chile

Brazília

Argentína

Dél-Afrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigéria

Nigeria

Marokkó

Ma Rốc

Líbia

Libya

Kenya

Kenya

Algéria

Algeria

Egyiptom

Ai Cập

Új-Zéland

New Zealand

Ausztrália

Úc

Cơ thể

fej

đầu

orr

mũi

haj

tóc

száj

miệng

fül

tai

szem

mắt

kéz

bàn tay

lábfej

bàn chân

szív

tim

agy

não

nyak

cổ

fenék

mông

váll

vai

térd

đầu gối

láb

chân

kar

tay

has

bụng

kebel

ngực

hát

lưng

fog

răng

nyelv

lưỡi

ajak

môi

ujj

ngón tay

lábujj

ngón chân

gyomor

dạ dày

tüdő

phổi

máj

gan

ideg

dây thần kinh

vese

thận

bél

ruột

homlok

trán

áll

cằm

orca

má

szakáll

râu

hüvelykujj

ngón cái

kisujj

ngón tay út

gyűrűsujj

ngón tay đeo nhẫn

középső ujj

ngón tay giữa

mutatóujj

ngón tay trỏ

köröm

móng tay

sarok

gót chân

gerinc

xương sống

izom

cơ bắp

csont
test

xương

csontváz

bộ xương

borda

xương sườn

csigolya

đốt sống

húgyhólyag

bàng quang

véna

tĩnh mạch

artéria

động mạch

hüvely

âm đạo

sperma

tinh trùng

pénisz

dương vật

here

tinh hoàn

Ngôi nhà

ajtó

cửa

konyha

nhà bếp

fürdőszoba

phòng tắm

nappali

phòng khách

hálószoba

phòng ngủ

kert

vườn

garázs

gara

fal

tường

pince

tầng hầm

vécé

nhà vệ sinh

lépcső

cầu thang

tető

mái nhà

ablak
épület

cửa sổ

kés

dao

csésze
forró

tách

pohár

ly

tányér

đĩa

csésze
hideg

cốc

szemetes

thùng rác

tál

tô

íróasztal

bàn

ágy

giường

tükör

gương

zuhany

vòi hoa sen

kanapé

ghế sofa

kép

ảnh

óra
karóra

đồng hồ

asztal

bàn

szék

ghế

szomszéd

hàng xóm

lift

thang máy

erkély

ban công

padlás

gác xép

kémény

ống khói

fakanál

muỗng gỗ

evőpálcika

đũa

evőeszköz

bộ dao nĩa

kanál

muỗng

villa

nĩa

merőkanál

cái vá

fazék

nồi

serpenyő

chảo

villanykörte

bóng đèn

könyvespolc

giá sách

fűggöny

rèm

matrac

nệm

párna

gối

takaró

chăn

polc

kệ

fiók

ngăn kéo

ruhásszekrény

tủ quần áo

vödör

xô

seprű

chổi

mérleg

cái cân

szennyekosár

giỏ đựng đồ giặt

fürdőkád

bồn tắm

fürdőlepedő

khăn tắm

szappan

xà phòng

vécépapír

giấy vệ sinh

törülköző

khăn tắm

mosdó

bồn rửa mặt

létra

cái thang

postaláda

hộp thư

kerítés

hàng rào

Thức ăn

tojás

trứng

sajt

phô mai

tej

sữa

hal
étel

cá

hús

thịt

csont
étel

xương

olaj

dầu

kenyér

bánh mì

cukor

đường

csokoládé

sô cô la

cukorka

kẹo

torta

bánh bông lan

víz

nước

kávé

cà phê

tea

trà

sör

bia

bor

rượu nho

saláta

sa lát

leves

súp

desszert

món tráng miệng

reggeli

bữa ăn sáng

ebéd

bữa trưa

vacso

bữa tối

pizza

pizza

jégkrém

kem

vaj

bơ

joghurt

sữa chua

tonhal

cá ngừ

lazac

cá hồi

sonka

giăm bông

szalonna

thịt ba rọi

kolbász

xúc xích

pulykahús

thịt gà tây

csirkehús

thịt gà

marhahús

thịt bò

sertéshús

thịt heo

bárányhús

thịt cừu

süttök

bí ngô

gomba

nấm

szarvasgomba

nấm cựa

fokhagyma

tỏi

póréhagyma

tỏi tây

gyömbér

gừng

padlizsán

cà tím

édesburgonya

khoai lang

sárgarépa

cà rốt

uborka

dưa chuột

chili

ớt

paprika

ớt chuông

hagyma

củ hành

burgonya

khoai tây

karfiol

bông cải trắng

káposzta

bắp cải

brokkoli

bông cải xanh

fejes saláta

xà lách

spenót

rau chân vịt

bambusz
étel

tre

kukorica

ngô

zeller

cần tây

borsó

đậu Hà Lan

bab

hạt đậu

körte

quả lê

alma

quả táo

olajbogyó

quả ô liu

füge

quả sung

datolya

quả chà là

kókuszdió

quả dừa

mandula

quả hạnh nhân

mogyoró

hạt phỉ

földimogyoró

đậu phộng

banán

quả chuối

mangó

quả xoài

kivi

quả kiwi

avokádó

quả bơ

ananász

quả dứa

görögdinnye

dưa hấu

szőlő

quả nho

sárgadinnye

dưa gang

málna

quả mâm xôi

áfonya

quả việt quất

eper

quả dâu tây

cseresznye

quả anh đào

szilva

quả mận

sárgabarack

quả mơ

őszibarack

quả đào

citrom

quả chanh

grépfrút

quả bưởi

narancs
étel

quả cam

paradicsom

cà chua

menta

bạc hà

citromfű

sả

fahéj

quế

vanília

vani

só

muối

bors

tiêu

curry

cà ri

dohány

thuốc lá

tofu

đậu hũ

ecet

giấm

tészta

mì sợi

szójatej

sữa đậu nành

liszt

bột mì

rizs

gạo

zab

yến mạch

búza

lúa mì

szója

đậu nành

dió

hạt

méz

mật ong

lekvár

mút

rágógumi

kẹo cao su

amerikai palacsinta

bánh kẹp

aprósütemény

bánh quy

puding

bánh pudding

muffin

bánh muffin

fánk

bánh rán vòng

energiaital

nước tăng lực

narancslé

nước cam

almalé

nước táo

tejturmix

sữa lắc

kóla

coca cola

forró csokoládé

sô cô la nóng

koktél

rượu cocktail

rum

rượu rum

whisky

rượu whisky

vodka

rượu vodka

menü

thực đơn

tenger gyümölcsei

hải sản

spagetti

mì Ý

sushi

sushi

pattogatott kukorica

bắp rang bơ

chips

khoai tây lát mỏng

csirkeszárnyak

cánh gà

hasábburgonya

mustár

majonéz

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

paradicsom szósz

szendvics

hot dog

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Trường học

könyv

sách

könyvtár

thư viện

házi feladat

bài tập về nhà

vizsga

bài thi

tanóra

bài học

tudomány

khoa học

történelem

lịch sử

művészet

nghệ thuật

toll

cây bút

ceruza

bút chì

első

thứ nhất

második

thứ hai

harmadik

thứ ba

negyedik

thứ tư

kutatás

nghiên cứu

tudományos fokozat

bằng cấp

sportpálya

sân thể thao

szótár

từ điển

időszak

học kì

fűzet

sổ tay

geometria

hình học

politika

chính trị học

filozófia

triết học

közgazdaságtan

kinh tế học

testnevelés

giáo dục thể chất

biológia

sinh học

matematika

toán học

földrajz

địa lý

irodalom

văn học

kémia

hóa học

fizika

vật lý

vonalzó

cái thước

radír

cục tẩy

olló

cái kéo

ragasztószalag

băng dính

ragasztó

keo dán

golyóstoll

bút bi

gemkapocs

kẹp giấy

három százalék

3%

száz százalék

100%

nulla százalék

0%

köbméter

mét khối

négyszetméter

mét vuông

mérföld

dặm

méter

mét

milliméter

mi-li-mét

centiméter

xen-ti-mét

deciméter

đề-xi-mét

összeadás

phép cộng

kivonás

phép trừ

szorzás

phép nhân

osztás

phép chia

terület

diện tích

térfogat

thể tích

téglalap

hình chữ nhật

négyzet

hình vuông

háromszög

tam giác

kör

hình tròn

liter

lít

milliliter

mililít

tonna

kilogramm

gramm

tấn

kilôgam

gram

mágnés

mikroszkóp

tölcser

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratórium

előadás

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

hamu

tro

tűz

lửa

gyémánt

kim cương

hold

mặt trăng

nap
univerzum

mặt trời

csillag

ngôi sao

bolygó

hành tinh

tengerpart

bờ biển

tó

hồ

erdő

rừng

sivatag

sa mạc

domb

đồi núi

szikla

đá

folyó

con sông

völgy

thung lũng

hegy

núi

sziget

đảo

óceán

đại dương

tenger

biển

jég

băng

hó

tuyết

vihar

bão táp

eső

mưa

szél

gió

fa

cây

fű

cỏ

rózsa

hoa hồng

virág

hoa

fém

kim loại

föld
növény

đất

láva

dung nham

szén

than

homok

cát

agyag

đất sét

rakéta

tên lửa

műhold

vệ tinh

galaxis

thiên hà

kisbolygó

tiểu hành tinh

kontinens

lục địa

egyenlítő

đường Xích đạo

Déli-sark

Nam cực

Északi-sark

Bắc cực

patak

suối

esőerdő

rừng nhiệt đới

barlang

hang

vízesés

thác nước

part

bờ biển

gleccser

sông băng

földrengés

động đất

kráter

miệng núi lửa

vulkán

núi lửa

légkör

khí quyển

árvíz

lũ lụt

köd

sương mù

szivárvány

cầu vồng

mennydörgés

tiếng sấm

villám

tia chớp

zivatar

cơn dông

hőmérséklet

nhiệt độ

tájfún

bão nhiệt đới

hurrikán

bão

felhő

mây

ág

cành cây

levél
növény

lá cây

gyökér

rễ cây

törzs

thân cây

mag
növény

hạt giống

műanyag

nhựa

szén-dioxid

cacbon điôxít

atom

nguyên tử

vas

sắt

oxigén

ôxy

arany

ezüst

vàng

bạc

Giao thông

autó

xe hơi

busz

xe buýt

vonat

xe lửa

vasútállomás

ga xe lửa

buszmegálló

trạm dừng xe buýt

repülő

máy bay

hajó

tàu

teherautó

xe tải

bicikli

xe đạp

motorbicikli

xe mô tô

taxi

xe taxi

közlekedési lámpa

đèn giao thông

parkoló

bãi đậu xe

út

đường

akkumulátor

ắc quy

motor

động cơ

légszák

túi khí

kormánykerék

vô-lăng

biztonsági öv

dây an toàn

gumiabroncs

lốp xe

hátsó csomagtartó

cốp sau

jegyautomata

máy bán vé

jegypénztár

phòng bán vé

metró

tàu điện ngầm

gyorsvonat

tàu cao tốc

mozdony

đầu máy

villamos

xe điện

iskolabusz

xe buýt trường học

minibusz

xe buýt nhỏ

repülőtér

sân bay

légitársaság

hãng hàng không

helikopter

máy bay trực thăng

első osztály

hạng nhất

turista osztály

hạng phổ thông

business osztály

hạng thương gia

mentőmellény

áo phao

konténer

công ten nơ

tengeralattjáró

tàu ngầm

luxushajó

tàu du lịch

konténerhajó

tàu chở hàng

jacht

du thuyền

komp

phà

kikötő

hải cảng

mentőcsónak

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

utcai lámpa

đèn đường

járda

vỉa hè

benzinkút

trạm xăng

építkezés

công trường

zebra

vạch qua đường

forgalmi dugó

tắc đường

autópálya

đường cao tốc

tank

xe tăng

kotrógép

máy xúc

traktor

máy kéo

utánfutó

rơ-moóc

robogó

xe tay ga

felvonó

xe cáp treo

Thành phố

kórház

bệnh viện

iskola

trường học

ház

nhà ở

számla

hóa đơn

piac

chợ

szupermarket

siêu thị

lakás

căn hộ

egyetem

trường đại học

tanya

nông trại

templom
Európa

nhà thờ

étterem

nhà hàng

bár

quán bar

edzőterem

phòng thể dục

park

công viên

WC

nhà vệ sinh

térkép

bản đồ

mentőszolgálat

xe cứu thương

rendőrség

cảnh sát

tűzoltók

lính cứu hỏa

ország

quốc gia

külváros

ngoại ô

falu

ngôi làng

garancia

bảo hành

bevásárlóközpont

trung tâm mua sắm

gyógyszertár

tiệm thuốc

felhőkarcoló

tòa nhà chọc trời

kastély

lâu đài

nagykövetség

đại sứ quán

zsinagóga

giáo đường Do Thái

templom
Ázsia

ngôi đền

gyár

nhà máy

mecset

nhà thờ Hồi giáo

városháza

tòa thị chính

posta

bưu điện

szökőkút

đài phun nước

diszkó

câu lạc bộ đêm

pad

băng ghế

golfpálya

sân golf

futballstadion

sân bóng đá

úszómedence
épület

hồ bơi

teniszpálya

sân quần vợt

turista információ

thông tin du lịch

kaszinó

sòng bạc

képtár

phòng triển lãm nghệ thuật

múzeum

bảo tàng

nemzeti park

công viên quốc gia

ajándéktárgy

quà lưu niệm

akvárium

thủy cung

vízi csúszda

trượt nước

hullámvasút

tàu lượn siêu tốc

csúszdapark

công viên nước

állatkert

vườn bách thú

játszótér

sân chơi

vészkijárat
épület

cửa thoát hiểm

tűzjelző

chuông báo cháy

tűzoltó készülék

bình cứu hỏa

rendőrállomás

đồn cảnh sát

állam

tiểu bang

régió

khu vực

főváros

thủ đô

Bệnh viện

baleset

tai nạn

beteg
személy

bệnh nhân

műtét

phẫu thuật

tabletta

viên thuốc

láz

sốt

köhögés

ho

sürgősségi

phòng cấp cứu

intenzív osztály

khoa hồi sức tích cực

váróterem

phòng chờ

aszpirin

thuốc aspirin

altató tabletta

thuốc ngủ

lejárati dátum

ngày hết hạn

dózis

liều lượng

köhögés elleni gyógyszer

si-rô ho

mellékhatás

tác dụng phụ

inzulin

insulin

por

bột

kapszula

viên nhộng

vitamin

vitamin

fájdalomcsillapító

thuốc giảm đau

antibiotikum

kháng sinh

baktérium

vi khuẩn

vírus

vi rút

szívroham

đau tim

hasmenés

tiêu chảy

cukorbetegség

tiểu đường

agyvérzés

đột quỵ

asztma

hen suyễn

rák
betegség

ung thư

influenza

cúm

fogfájás

đau răng

leégés

cháy nắng

torokfájás

viêm họng

gyomorfájás

đau bụng

fertőzés

nhiễm trùng

allergia

dị ứng

görcs

chuột rút

fejfájás

đau đầu

fecskendő

ống tiêm

mankó

nạng

röntgenfelvétel

chụp X quang

ultrahangkészülék

máy siêu âm

ragtapasz

bó bột

kerekesszék

xe lăn

gipszkötés

bó bột

pulzus

mạch

sérülés

chấn thương

vészhelyzet

cấp cứu

agyrázkódás

égés

törés

chấn động

vết bỏng

gãy xương

fogamzásgátló tabletta

terhességi teszt

thuốc tránh thai

thử thai

Nghề nghiệp

doktor

bác sĩ

nővér
kórház

y tá

rendőr

cảnh sát

elnök

tổng thống

kapitány

thuyền trưởng

nyomozó

thám tử

pilóta

phi công

professzor

giáo sư

tanár

giáo viên

ügyvéd

luật sư

titkárnő

thư ký

asszisztens

trợ lý

bíró

thẩm phán

menedzser

quản lý

szakács

đầu bếp

taxisofőr

tài xế taxi

buszsofőr

tài xế xe buýt

modell

người mẫu

művész

nghệ sĩ

miniszterelnök

thủ tướng

gyógyszerész

độc sĩ

tűzoltó

lính cứu hỏa

fogorvos

nha sĩ

vállalkozó

doanh nhân

politikus

chính trị gia

programozó

lập trình viên

légiutas kísérő

tiếp viên hàng không

tudós

nhà khoa học

óvónő

giáo viên mầm non

építész

kiến trúc sư

könyvelő

kế toán viên

tanácsadó

tư vấn viên

ügyész

công tố viên

főigazgató

tổng quản lý

testőr

vệ sĩ

háziúr

chủ nhà

pincér

bồi bàn

biztonsági őr

nhân viên bảo vệ

katona

bộ đội

halász

ngư dân

takarító

nhân viên vệ sinh

vízvezeték szerelő

thợ sửa ống nước

villanyszerelő

thợ điện

gazda

nông dân

recepció

lễ tân

postás

người đưa thư

pénztáros

thu ngân

fodrász

thợ làm tóc

író

tác giả

újságíró

nhà báo

fényképész

nhiếp ảnh gia

vizimentő

nhân viên cứu hộ

énekes

ca sĩ

zenész

nhạc sĩ

színész

diễn viên

riporter

phóng viên

edző

huấn luyện viên

játékvezető

trọng tài

Kinh doanh

pénz

tiền

iroda

văn phòng

stressz

áp lực

biztosítás

bảo hiểm

alkalmazottak

nhân viên

osztály

bộ phận

fizetés

lương

cím

địa chỉ

levél
posta

lá thư

telefonszám

số điện thoại

url

url

e-mail cím

địa chỉ email

weboldal

trạng mạng

e-mail

thư điện tử

aláírás

chữ ký

veszteség

thua lỗ

nyereség

lợi nhuận

ügyfél

khách hàng

összeg

số tiền

hitelkártya

thẻ tín dụng

jelszó

mật khẩu

bankautomata

máy rút tiền

adó

thuế

tárgyaló

phòng họp

névjegykártya

đanh thiếp

informatika

công nghệ thông tin

emberi erőforrások

nhân sự

jogi osztály

bộ phận pháp lý

könyvelés

kế toán

marketing

tiếp thị

eladás

bán hàng

kolléga

đồng nghiệp

munkaadó

người sử dụng lao động

alkalmazott

nhân viên

jegyzet

chú thích

prezentáció

thuyết trình

dosszié

bìa cứng

bélyegző

con dấu cao su

vetítógép

máy chiếu

csomag
posta

bưu kiện

bélyeg

con tem

boríték

phong bì

böngésző

trình duyệt

befektetés

đầu tư

tőzsde

sàn giao dịch chứng khoán

bankjegy

tiền giấy

érme

tiền xu

kamat

tiền lãi

hitel

khoản vay

számlaszám

số tài khoản

bankszámla

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telefon

điện thoại

TV készülék

bộ tivi

kamera

máy ảnh

rádió

đài radio

ventilátor

quạt

léghűtő

máy điều hòa

kávéfőző

máy pha cà phê

kenyérpirító

máy nướng bánh mì

porszívó

máy hút bụi

hajszárító

máy sấy tóc

vízforraló

ấm đun nước

mosogatógép

máy rửa chén

tűzhely

bếp điện

sütő

lò nướng

mikrohullámú sütő

lò vi sóng

hűtőszekrény

tủ lạnh

mosógép

máy giặt

távirányító

điều khiển từ xa

fülhallgató

tai nghe

egér
technológia

chuột

billentyűzet

bàn phím

merevlemez

ổ cứng

USB kulcs

thanh USB

szkenner

máy quét

nyomtató

képernyő

laptop

máy in

màn hình

máy tính xách tay

robot

hangszóró

rô bốt

loa

